



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 20

Ngày 01 tháng 4 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | |
|---|----|
| 27-02-2015 - Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND về việc ban hành Tiêu chí cánh đồng lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 27-02-2015 - Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 6 |
| 06-3-2015 - Chỉ thị số 06/2015/CT-UBND về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | 17 |
| 10-3-2015 - Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND quy định về chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hòa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 27 |

12-3-2015 - Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND về việc sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Lực lượng Quản lý đô thị nhân dân tại phường - xã, thị trấn (nơi có đô) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

36

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-01-2015 - Quyết định số 354/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

39

09-02-2015 - Quyết định số 593/QĐ-UBND công bố danh sách giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí cánh đồng lớn
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 207/TTr-SNN.PTNT ngày 03 tháng 02 năm 2015 về việc ban hành tiêu chí cánh đồng lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 119/STP-VB ngày 12 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Tiêu chí cánh đồng lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung như sau:

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quy hoạch phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; Quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch khác đã được phê duyệt.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

- Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân.

- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân.

- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân.

- Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

d) Diện tích cây trồng sản xuất theo cánh đồng lớn phải là vùng sản xuất tập trung, có quy mô diện tích như sau:

- Đối với cây rau: từ 5 ha trở lên.

- Đối với cây hoa kiểng: từ 5 ha trở lên.

- Đối với cây ăn trái: từ 10 ha trở lên.

Vùng sản xuất tập trung đối với cây rau được phân bố gần kề trên cùng một khu vực canh tác; đối với cây hoa kiểng, cây ăn trái là các vườn cây liên tục nằm ngoài khu vực vườn nhà.

2. Tiêu chí khuyến khích

a) Cánh đồng lớn có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn

an toàn, VietGAP...) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài
làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 19840/TTr-SLĐTBXH-VL ngày 05 tháng 12 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 6739/STP-VB ngày 01 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Y tế, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý lao động nước ngoài làm việc trong
các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu (sau đây viết tắt là doanh nghiệp) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp quản lý

Công tác phối hợp quản lý được tiến hành theo các nguyên tắc:

1. Nội dung phối hợp phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp và dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo sự thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Bảo đảm tiến độ, nội dung phối hợp, tính khách quan trong quá trình phối hợp.

3. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp.

4. Các cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quy định, có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý lao động là người nước ngoài, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Mọi thông tin, tài liệu trao đổi và nội dung phối hợp phải tuân thủ theo quy định của Pháp lệnh về Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định bảo mật của ngành.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp và trao đổi thông tin, tài liệu

1. Thực hiện lồng ghép hướng dẫn, tuyên truyền các nội dung cơ bản của pháp luật lao động về quản lý lao động nước ngoài đến cư trú và làm việc trên địa bàn Thành phố vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

2. Phối hợp hướng dẫn các đơn vị có sử dụng lao động là người nước ngoài thực hiện thống kê, phân tích tình hình người nước ngoài nhập cảnh vào Thành phố với mục đích lao động đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp và phối hợp đề xuất xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

4. Cung cấp thông tin theo yêu cầu giữa các cơ quan tham gia thực hiện Quy chế phối hợp.

5. Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết công tác quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

6. Thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật lao động Việt Nam và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động cho các doanh nghiệp và người lao động nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

b) Thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài, cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định.

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

d) Tiếp nhận thông tin của các tổ chức và cá nhân phát hiện người lao động nước ngoài làm việc tại Thành phố không có giấy phép lao động. Đề nghị cơ quan Công an trục xuất đối với trường hợp người lao động nước ngoài làm việc tại Thành phố không có giấy phép lao động.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ:

- Trước ngày 05 hàng tháng, thông báo cho Công an Thành phố về tình hình cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 13 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Báo cáo theo quý (trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý kế tiếp) về tình hình người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo Mẫu số 14 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Báo cáo 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7) và hàng năm (trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp) về tình hình người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công Thương theo Mẫu số 15 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Định kỳ 6 tháng, chuyên giao cho các quận, huyện danh sách lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Trao đổi tình hình, danh sách lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn để phục vụ yêu cầu công tác đột xuất theo đề nghị của các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

2. Công an Thành phố:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và hoạt động đối với người nước ngoài làm việc trong doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

b) Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết cấp, bổ sung, sửa đổi thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú cho các trường hợp người nước ngoài sau khi được cấp mới, cấp lại giấy phép lao động; các trường hợp người nước ngoài được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật, hướng dẫn, nhắc nhở các doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài tuân thủ quy định pháp luật về lao động, xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Tổ chức thực hiện thủ tục trực xuất, buộc xuất cảnh đối với các trường hợp người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp không có giấy phép lao động theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Định kỳ hàng quý, cung cấp thông tin, danh sách doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp giải thể, doanh nghiệp ngừng hoạt động cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp theo dõi quản lý.

4. Sở Công Thương:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, trao đổi thông tin, thẩm định hồ sơ và quản lý các đối tượng người lao động nước ngoài di chuyển nội bộ doanh nghiệp không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

c) Định kỳ hàng quý, cung cấp thông tin về tình hình cấp giấy phép hoạt động, gia hạn và giải thể các văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân có sử dụng lao động nước ngoài cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp theo dõi quản lý.

5. Sở Tư pháp:

a) Thực hiện vai trò Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố trong việc tham mưu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật lao động Việt Nam.

b) Thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người lao động nước ngoài cư trú tại Việt Nam theo quy định để hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động.

6. Sở Ngoại vụ:

a) Hỗ trợ các cơ quan chức năng của Thành phố trao đổi thông tin với các cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Thành phố liên quan đến lao động là người nước ngoài. Phối hợp với các cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Thành phố và các cơ quan chức năng của Thành phố xử lý các trường hợp người lao động nước ngoài vi phạm pháp luật về lao động.

b) Hỗ trợ xác minh tính xác thực của các hồ sơ do các cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Thành phố chứng nhận lãnh sự; các hồ sơ do Sở Ngoại vụ Thành phố hoặc do cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài làm thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự liên quan đến lao động là người nước ngoài khi có đề nghị của cơ quan chức năng của Thành phố.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan báo, đài tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật lao động Việt Nam, các trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động cho các doanh nghiệp và người lao động nước ngoài trên địa bàn Thành phố thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực quản lý thực hiện các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý lao động là người nước ngoài.

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

8. Cục Thuế Thành phố:

a) Chủ động nhắc nhở các doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài và người lao động nước ngoài chấp hành các quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

b) Định kỳ hàng quý, thông tin số lượng người nước ngoài đăng ký thuế thu nhập cá nhân cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp theo dõi quản lý.

9. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Định kỳ hàng quý, thông tin tình hình thành lập mới hoặc giải thể hoạt động của các văn phòng điều hành, ban quản lý công trình, nhà thầu, số lượng người nước ngoài làm việc tại các đơn vị này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp theo dõi quản lý.

10. Sở Y tế:

a) Thực hiện chặt chẽ các quy định, thủ tục, điều kiện khi người lao động nước ngoài làm việc tại các cơ sở y tế; thường xuyên kiểm tra, theo dõi số cơ sở y tế có sử dụng lao động là người nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Thực hiện chặt chẽ các quy định, thủ tục, điều kiện đối với lao động nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thành phố; thường xuyên theo dõi số cơ sở giáo dục, đào tạo có sử dụng lao động là người nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

12. Sở Du lịch:

a) Thực hiện chặt chẽ các quy định, thủ tục, điều kiện đối với lao động nước ngoài làm việc tại các cơ sở hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố; thường xuyên kiểm tra, theo dõi số đơn vị hoạt động du lịch có sử dụng lao động là người nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

13. Sở Văn hóa và Thể thao:

a) Thực hiện chặt chẽ các quy định, thủ tục, điều kiện đối với lao động nước ngoài làm việc tại các cơ sở văn hóa, thể thao, các câu lạc bộ thể dục thể thao có sử dụng vận động viên, huấn luyện viên là người nước ngoài; thường xuyên kiểm tra, theo dõi số đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao có sử dụng lao động, vận động viên, huấn luyện viên, văn nghệ sĩ là người nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố trong việc đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

14. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật lao động Việt Nam và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động cho các doanh nghiệp và người lao động nước ngoài trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao Thành phố theo thẩm quyền được ủy quyền.

b) Thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài, cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định.

c) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

d) Tiếp nhận thông tin của các tổ chức và cá nhân phát hiện người lao động nước ngoài làm việc tại khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao không có giấy phép lao động. Đề nghị cơ quan Công an trực xuất đối với trường

hợp người lao động nước ngoài làm việc tại khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao của Thành phố không có giấy phép lao động.

đ) Phối hợp với Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý về tình trạng cư trú đối với lao động là người nước ngoài làm việc trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

e) Định kỳ báo cáo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung:

- Trước ngày 02 hàng tháng, thông báo về tình hình cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 13 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Báo cáo theo quý (trước ngày 07 tháng đầu tiên của quý kế tiếp) về tình hình người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao của Thành phố theo Mẫu số 14 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Báo cáo 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7) và hàng năm (trước ngày 10 tháng 01 của năm kế tiếp) về tình hình người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao của Thành phố theo Mẫu số 15 (kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

15. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các doanh nghiệp có sử dụng lao động là người nước ngoài trên địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện công tác quản lý lao động nước ngoài cư trú và làm việc trên địa bàn; thống kê, rà soát số lao động nước ngoài đang làm việc và sinh sống trên địa bàn để phối hợp theo dõi, quản lý.

3. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trao đổi tình hình, danh sách lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn quận, huyện khi có yêu cầu công tác.

Điều 5. Hình thức và cơ chế phối hợp

1. Hình thức trao đổi thông tin, phối hợp bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi giữa lãnh đạo, cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ của Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm đầu mối tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác phối hợp, rút kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 7. Ủy ban nhân dân Thành phố giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, làm đầu mối phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổng hợp, xử lý thông tin và đôn đốc triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trao đổi thống nhất với các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2015/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CHỈ THỊ

Về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

Luật Phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2001 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2001.

Từ khi Luật Phòng cháy và chữa cháy được ban hành và có hiệu lực, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác phòng cháy và chữa cháy, qua đó việc phòng cháy và chữa cháy ở nhiều nơi đã đi vào nề nếp; phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy đã có bước phát triển mới cả về nội dung và hình thức, đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đối với công tác phòng cháy và chữa cháy; năng lực phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố từng bước được nâng lên cả về lực lượng, phương tiện và các điều kiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, từng bước kéo giảm được số vụ cháy và thiệt hại do cháy gây ra, góp phần vào việc xây dựng và phát triển của Thành phố.

Tuy nhiên, trong thời gian qua tình hình cháy, nổ trên địa bàn Thành phố vẫn còn diễn biến phức tạp, xảy ra nhiều vụ cháy, nổ lớn, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về người và tài sản. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do nhận thức của một số lãnh đạo đơn vị chưa đầy đủ và đúng đắn về tầm quan trọng của công tác phòng cháy và chữa cháy, do đó việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện công tác này chưa thường xuyên; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng cháy và chữa cháy chưa được thường xuyên và quan tâm đúng mức; một số cơ sở sản xuất, kinh doanh và người dân chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy

cơ sở và dân phòng ở nhiều nơi còn thiếu, yếu; việc đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ngày 22 tháng 11 năm 2013, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã quy định những vấn đề còn vướng mắc, bất cập, mới phát sinh trong thực tiễn như quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác phòng cháy, chữa cháy; điều kiện đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với nhà ở, khu dân cư và các loại hình công trình đặc thù về cháy, nổ; phương án chữa cháy; chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia chữa cháy...

Để Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy sớm đi vào đời sống xã hội và kịp thời triển khai Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong công tác phòng cháy và chữa cháy nhằm góp phần giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị:

1. Trách nhiệm chung

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị Trung ương trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành bằng các hình thức, biện pháp phù hợp để cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ, thực hiện nghiêm các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. Nâng cao trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình và cá nhân theo quy định của pháp luật.

b) Làm tốt công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Chỉ thị số 19/2012/CT-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác xây dựng

phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường đầu tư kinh phí, trang bị các phương tiện chữa cháy phù hợp với tính chất hoạt động, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo sử dụng có hiệu quả khi có sự cố cháy, nổ xảy ra; đảm bảo chế độ, chính sách đối với người tham gia chữa cháy.

c) Các Sở - ban, ngành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với cơ quan phòng cháy, chữa cháy trong việc triển khai thực hiện các quy định tại Chỉ thị số 22/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố để ngăn chặn cháy lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo an toàn về người và tài sản, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra.

d) Kiện toàn, phân công nhiệm vụ cụ thể và nâng cao trách nhiệm của Ban chỉ đạo phòng cháy và chữa cháy. Hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung, lập mới phương án chữa cháy và tổ chức thực tập phương án chữa cháy đã được phê duyệt, đặc biệt là phương án xử lý tình huống cháy lớn, phức tạp có huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia, để rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo cứu chữa các vụ cháy.

đ) Tạo điều kiện, khuyến khích tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia phòng cháy, chữa cháy và bổ sung vào đội dân phòng hoặc đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

e) Hướng dẫn, vận động, khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia mua bảo hiểm cháy, nổ; đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải thực hiện nghiêm túc việc mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở theo quy định.

g) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ rừng, chủ hộ gia đình trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn thi hành.

2. Trách nhiệm cụ thể của các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan chuẩn bị tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn thi hành; xây dựng quy chế phối hợp trong việc thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đối với các công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát lập danh sách, nghiên cứu các giải pháp, phương án di dời hoặc cải tạo các cơ sở không đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy và điều kiện thoát nạn (đặc biệt là chợ, nhà cao tầng, công trình công cộng tập trung đông người, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến hóa chất, hàng hóa dễ cháy, nổ) để tăng cường điều kiện thoát nạn và đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngang tầm với các nước trong khu vực, đảm bảo tiến độ theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy; có kế hoạch, biện pháp quản lý các hoạt động tư vấn, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đúng quy định pháp luật.

Tổ chức lực lượng, phương tiện, sẵn sàng chiến đấu, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kịp thời, có hiệu quả. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ và sử dụng thành thạo trang thiết bị kỹ thuật chữa cháy hiện đại.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy để đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ những quy định không còn phù hợp hoặc hết hiệu lực thi hành.

Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các nước tiên tiến trong lĩnh vực

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên thế giới, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống để trao đổi và học tập kinh nghiệm về công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính nghiên cứu đề xuất trang bị phương tiện, vật tư hiện đại để thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

b) Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố có trách nhiệm tăng cường quản lý về an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy đối với các cơ sở sản xuất, kho vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; đảm bảo có vành đai an toàn, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các khu dân cư và công trình lân cận.

c) Bộ Tư lệnh Thành phố

Phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố quán triệt và tổ chức thực hiện chặt chẽ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BCA-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 78/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định việc phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở quốc phòng.

Tăng cường công tác tập huấn, nâng cao chất lượng huấn luyện phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm theo đúng quy định; luyện tập, diễn tập theo các phương án bảo đảm sát thực tế, thiết thực, hiệu quả; đảm bảo công tác an toàn phòng cháy và chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc.

Quản lý sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy hiện có, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, từng bước mua sắm trang thiết bị hiện đại, đa chức năng phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy gắn với các trang thiết bị sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị.

d) Sở Tư pháp

Hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố. Trong đó, bao gồm nội dung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật và đại diện các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

Phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố biên soạn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng cháy và chữa cháy cung cấp cho Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật, khu phố, ấp, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố.

đ) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố nghiên cứu, đề xuất chọn cử cán bộ đào tạo nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các nước tiên tiến về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các nước có quan hệ truyền thống.

e) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các trường, viện và tổ chức khoa học công nghệ cung cấp thông tin và chuyên gia công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện đại, tiên tiến, công nghệ mới, an toàn và hiệu quả trong chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thân thiện với môi trường để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trang bị.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố triển khai các nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng cháy và chữa cháy cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố sau khi có hướng dẫn của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Công an.

h) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên tổ chức thực hiện đảm bảo hệ thống giao thông, các dự án về cấp nước chữa cháy đô thị đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa cháy trên toàn Thành phố, thực hiện rà soát, lắp đặt các trụ nước chữa cháy để đảm bảo cung cấp đầy đủ nước khi có sự cố cháy xảy ra. Sở Xây dựng phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố tổ chức kiểm tra, rà soát các công trình cao tầng để hướng dẫn các giải pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy và thoát nạn phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

i) Sở Tài chính

Bố trí kinh phí triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; đề xuất nguồn kinh phí hỗ trợ, bồi dưỡng hợp lý cho lực lượng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở.

Hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ ngân sách riêng dành cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nói chung và cho lực lượng dân phòng nói riêng từ nguồn ngân sách dành cho quốc phòng an ninh của Thành phố theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

k) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy ngày 04 tháng 10 và tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng Tổng đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114 theo quy định tại Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

l) Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường tuyên truyền công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; thực hiện việc thẩm định hồ sơ đăng ký xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch.

m) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố kiện toàn các đội phòng cháy, chữa cháy rừng và đầu tư các phương tiện, trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy để tăng cường năng lực chữa cháy cho cơ sở khi đám cháy mới phát sinh. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT/BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại có thể xảy ra.

n) Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện tiến hành rà soát, tổng hợp các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và lập mới các loại quy hoạch đô thị nêu trên để đưa vào nội dung quy hoạch cấp nước về phòng cháy, chữa cháy theo luật định.

o) Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn giải phóng và Đài phát thanh các địa phương phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các chương trình, chuyên mục về phòng cháy, chữa cháy để tuyên truyền, cổ vũ, biểu dương những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

p) Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường tuyên truyền công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các cơ quan, tổ chức và khu vực dân cư trên địa bàn quản lý; chỉ đạo việc thành lập và duy trì hoạt động của lực lượng dân phòng theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy theo quy định. Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo kiểm tra việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

Các quận, huyện tiến hành điều tra, khảo sát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhiều nguy hiểm về cháy, nổ nằm xen kẽ trong khu dân cư và có phương án xử lý thích hợp. Đối với các quận, huyện có khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao cần xây dựng quy trình chuyển hóa thành khu dân cư an toàn về cháy, nổ; xây dựng phường, xã điểm an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

Từ nay đến năm 2018, các quận, huyện chưa có đơn vị Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy khẩn trương phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng xong Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận, huyện. Đối với quận, huyện có diện tích lớn, bán kính hoạt động của đơn vị Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy trên 5 km cần xác định địa điểm và đầu tư xây dựng thêm các Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy.

q) Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các công ty phát triển hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy cho toàn khu; xây dựng và duy trì hoạt động của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với phương án phòng cháy và chữa cháy. Người đứng đầu cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có trách nhiệm xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy cho cơ sở mình và thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

r) Tổng Công ty điện lực Thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra đối với khách hàng sử dụng điện, có kế hoạch cụ thể để duy tu, cải tạo nâng cấp mạng lưới điện công cộng, hệ thống điện tại các khu dân cư. Tổ chức kiểm tra các trạm biến áp, cáp dẫn, dây dẫn điện trên địa bàn Thành phố, có biện pháp phòng ngừa, tránh chạm chập điện gây cháy, nổ. Tổ chức dịch vụ kỹ thuật để phục vụ cho nhân dân khi có yêu cầu, đảm bảo an toàn tài sản, tính mạng của người sử dụng các thiết bị điện, đặc biệt là hướng dẫn các đối tượng tiêu thụ, sử dụng điện các biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy khi sử dụng điện trong sản xuất và sinh hoạt, đề phòng sự cố cháy, nổ do điện gây ra.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên tổ chức và phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

4. Định kỳ trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố) những nội dung cụ thể, rõ ràng về công tác tổ chức triển khai và kết quả thực hiện nội dung được phân công tại Chỉ thị để thống nhất thực hiện trên toàn địa bàn Thành phố.

5. Năm 2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, việc sơ kết phải được chuẩn bị chu đáo, xác định rõ những việc đã làm được và chưa được, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tiếp tục triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy cho những năm tiếp theo; có hình thức khen thưởng phù hợp đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất

sắc trong công tác phòng cháy và chữa cháy, đồng thời nghiêm khắc kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân liên quan trong việc thực hiện chưa nghiêm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

6. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

Căn cứ Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành chính sách khuyến khích hỏa táng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3017/TTr-SLĐTBXH-XH ngày 13 tháng 02 năm 2015, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6741/STP-VB ngày 01 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Đối tượng và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 2.500.000 đồng/lượt hỏa táng cho các đối tượng sau:

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động;
- Đảng viên có Huy hiệu 40 tuổi Đảng trở lên;
- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ lão thành cách mạng);
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 (cán bộ tiền khởi nghĩa);
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên;
- Bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- Thân nhân liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng định suất nuôi dưỡng (già yếu, neo đơn);
- Các đối tượng chính sách đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm dưỡng lão Thị Nghè;
- Hộ nghèo (theo tiêu chí của Thành phố trong từng thời kỳ);
- Các đối tượng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật: Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

b) Hỗ trợ 1.500.000 đồng/lượt hỏa táng cho các đối tượng:

- Đối tượng hưu trí;
- Hộ cận nghèo (theo tiêu chí của Thành phố trong từng thời kỳ);
- Người dân có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Miễn phí hỏa táng cho trẻ từ 6 tuổi trở xuống có hộ khẩu hoặc tạm trú (KT3) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Việc hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng chỉ được thực hiện một lần đối với một đối tượng.

2. Phạm vi áp dụng:

a) Đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi người có công quy định tại Khoản 1 Điều này: quy định này được áp dụng đối với các đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi người có công trên địa bàn Thành phố.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Khoản 1 Điều này: quyết định này được áp dụng đối với đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

c) Đối tượng hưu trí quy định tại Khoản 1 Điều này: quyết định này được áp dụng đối với đối tượng đang hưởng hưu trí trên địa bàn Thành phố.

d) Đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Khoản 1 Điều này: quyết định này được áp dụng đối với đối tượng có mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố.

đ) Đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi người có công đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm dưỡng lão Thị Nghè: quyết định này được áp dụng đối với đối tượng được gia đình đưa về thực hiện mai táng.

e) Đối tượng là trẻ em từ 6 tuổi trở xuống: quyết định này được áp dụng đối với đối tượng có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú (diện có KT3) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng

1. Cá nhân thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng cho đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này là một trong các thân nhân của đối tượng (vợ, chồng, cha, mẹ, con, ông, bà, anh, chị, em) hoặc người giám hộ của đối tượng theo quy định;

Việc thực hiện thủ tục và nhận chi phí hỗ trợ có thể thực hiện thông qua ủy quyền theo quy định pháp luật về ủy quyền.

2. Đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này là người đơn thân, neo đơn không có thân nhân đứng ra thực hiện mai táng: tổ chức, đoàn thể tại địa phương thực hiện mai táng cho đối tượng theo quy định cử đại diện thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng theo quy định.

Điều 3. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng

1. Hồ sơ hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng:

a) Bản chính tờ khai thông tin cá nhân, tổ chức nhận chi phí hỗ trợ khuyến khích hỏa táng (theo mẫu số 01);

b) Bản photo (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao giấy chứng tử của người được hỏa táng;

c) Bản chính hóa đơn đã được thanh toán của cơ sở hỏa táng theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Đối với cá nhân thực hiện thủ tục thông qua ủy quyền hoặc đại diện tổ chức, đoàn thể thực hiện thủ tục: xuất trình văn bản ủy quyền hoặc giấy giới thiệu theo quy định.

2. Thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng

a) Thân nhân hoặc đại diện tổ chức, đoàn thể thực hiện mai táng cho đối tượng (khi có nhu cầu hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng) làm **01 (một) bộ** hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi:

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đối tượng hưởng hưu trí hoặc trợ cấp hàng tháng: đối với đối tượng hưởng chế độ chính sách ưu đãi người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưu trí.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đối tượng cư trú: đối với các đối tượng khác.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn kiểm tra tính chính xác của các thông tin và thực hiện phần xác nhận trên Tờ khai, có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

Trường hợp xác định không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có văn bản trả lời và gửi trả hồ sơ cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

c) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đính kèm toàn bộ hồ sơ), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành Quyết định hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng.

Quyết định hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng phải được gửi đến thân nhân hoặc đại diện tổ chức, đoàn thể thực hiện mai táng của đối tượng để biết và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để thực hiện chi hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng.

d) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện cấp phát chi phí hỗ trợ khuyến khích hỏa táng.

Tổng thời gian giải quyết của thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng không quá 27 (hai mươi bảy) ngày làm việc.

Điều 4. Kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng được bố trí trong nguồn ngân sách hàng năm của quận, huyện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng trong ngân sách quận, huyện hàng năm.

3. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp các Sở, ngành và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo các đơn vị phòng, ban tổ chức triển khai và thực hiện các quy định tại Quyết định này, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị dự trù kinh phí chi hỗ trợ khuyến khích hỏa táng hàng năm tại địa phương.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện cấp phát chi phí hỗ trợ khuyến khích hỏa táng trên địa bàn quận, huyện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân quận, huyện theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai và thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quyết định này, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định.

b) Xem xét, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận trong Tờ khai thông tin dựa trên cơ sở dữ liệu do địa phương quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

Mẫu số 01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI THÔNG TIN GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC
NHẬN CHI PHÍ HỖ TRỢ KHUYẾN KHÍCH HÒA TẮNG**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân phường (xã, thị trấn)...;
- Ủy ban nhân dân quận (huyện).....

1. Tôi tên là:
2. Ngày, tháng, năm sinh: 3. CMND số:
4. Hộ khẩu thường trú:
5. Quan hệ với người mất:
Hoặc đại diện cho tổ chức (*nếu có*):
6. Họ và tên người mất:
7. Đã từ trần ngày:
(Giấy chứng tử số: do cấp)
8. Thuộc đối tượng:
 - Bà mẹ Việt Nam anh hùng
 - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động
 - Đảng viên có Huy hiệu 40 tuổi Đảng trở lên
 - Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945
(cán bộ lão thành cách mạng)
 - Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945
đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 (Cán bộ tiền khởi nghĩa)
 - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên
 - Bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên
 - Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên
 - Thân nhân liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng
trợ cấp hàng tháng định suất nuôi dưỡng (già yếu, neo đơn)
 - Các đối tượng chính sách đang được nuôi dưỡng
tại Trung tâm dưỡng lão Thị Nghè
 - Hộ nghèo (theo tiêu chí của Thành phố), mã số:
 - Các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại phường, xã, thị trấn:
 - Người khuyết tật (theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP)
 - Người cao tuổi (theo Nghị định số 06/2011/NĐ-CP)

- Đối tượng bảo trợ xã hội khác (theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP hoặc Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)
- Đối tượng hưu trí
- Hộ cận nghèo (theo tiêu chí của Thành phố), mã số:.....
- Người dân có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Trẻ từ 6 tuổi trở xuống:
- Có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Có tạm trú (KT3) tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng sự thật tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân phường (xã, thị trấn) hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng.

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(ký và ghi rõ họ, tên đối với gia đình, cá nhân;
ký tên và đóng dấu đối với tổ chức)

Xác nhận của UBND phường, xã, thị trấn

Ông (bà) ⁽¹⁾....., sinh năm

Hiện cư trú tại:.....

Là ⁽²⁾

(hoặc đại diện:))

của ông(bà) ⁽³⁾

thuộc đối tượng ⁽⁴⁾

.....

đã chết ngày.....tháng.....năm

Đề nghị được giải quyết chế độ hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng./.

....., ngày tháng năm 20...

Chủ tịch

(1) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính tại mục 1;

(2) Mọi quan hệ nhân thân được thể hiện tại mục 4;

(3) Đối tượng được nêu tại mục 5;

(4) Đối tượng được nêu tại mục 7.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

Quận (Huyện), ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số/2015/QĐ-UBND ngày ... tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ hồ sơ đề nghị của: Ông/bà

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tại Công văn số .../UBND ngày ... tháng ... năm ... và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng cho Ông/bà, cư trú tại, CMND số:..... là đã tổ chức hỏa táng cho Ông/bà..... là đối tượng....., đã từ trần ngày..... (Giấy chứng tử số do cấp).

Số tiền hỗ trợ:..... đồng (bằng chữ:.....)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (huyện)....., Thủ trưởng các phòng, ban liên quan, Ủy ban nhân dân phường (xã, thị trấn)..... và ông/bà có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Lực lượng Quản lý dê nhân dân tại phường - xã, thị trấn (nơi có dê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế

độ thù lao đối với lực lượng quản lý đô nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tại Tờ trình liên Sở số 2633/TTr-SNN-STC ngày 08 tháng 12 năm 2014, ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 6410/STP-VB ngày 17 tháng 11 năm 2014, ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 326/SNV-XDCQĐT ngày 28 tháng 01 năm 2015 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3147/SLĐTBXH-LĐ ngày 25 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Lực lượng Quản lý đô nhân dân tại phường - xã, thị trấn (nơi có đô) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Mức thù lao cụ thể hàng tháng cho mỗi nhân viên quản lý đô nhân dân là 1.900.000 đồng/người/tháng (Một triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

2. Phụ cấp trách nhiệm: Đội trưởng được hưởng thêm mức thù lao trách nhiệm là 230.000 đồng/người/tháng và Đội phó được hưởng thêm mức thù lao trách nhiệm là 115.000 đồng/người/tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Lực lượng Quản lý đô nhân dân tại phường - xã, thị trấn (nơi có đô) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên

tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn (nơi có đề) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 354/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở
năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) và Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp phổ

biển, giáo dục pháp luật Thành phố tại Công văn số 192/STP-PBGDPL ngày 16 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở
và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở
năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-UBND

ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật hòa giải ở cơ sở, Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 4080/QĐ-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Chỉ thị số 17/2012/CT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quán triệt và thực hiện Thông tri số 07-TT/TU ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh *(về quán triệt và tổ chức thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân)*; Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố và các văn bản khác có liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở năm 2015 với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (*sau đây viết tắt là PBGDPL*), hòa giải ở cơ sở, xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

2. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các luật mới được Quốc hội khóa XIII thông qua năm 2014, có hiệu lực pháp luật từ năm 2015, 2016; đổi mới, đa dạng hóa các mô hình, hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; tăng cường công tác PBGDPL cho các đối tượng đặc thù và địa bàn trọng điểm, đưa công tác PBGDPL đi vào thực chất, hiệu quả, thiết thực, đảm bảo quyền được thông tin về pháp luật của công dân.

3. Tăng cường công tác PBGDPL trên các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội; triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL gắn với các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn của Trung ương và Thành phố, kết hợp với các hoạt động tuyên truyền, thông tin về Đại hội Đảng các cấp hướng tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với các sự kiện lớn của Thành phố, của đất nước trong năm 2015 (*kỷ niệm 40 năm Ngày Giải giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 70 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam,...*).

4. Tăng cường vai trò chủ động tham mưu, tư vấn, tổ chức thực hiện của Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố, quận, huyện và tổ chức pháp chế của các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

5. Bảo đảm sự tham gia đầy đủ của các cấp, các ngành, phát huy vai trò chủ động của các cơ quan, đơn vị địa phương; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhằm tạo sự đồng bộ và hiệu quả trong các hoạt động; có biện pháp thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động PBGDPL và từng bước xã hội hóa công tác PBGDPL.

6. Tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai thực hiện Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành

a) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thi hành Luật PBGDPL trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Triển khai thực hiện Quy định một số mức chi cụ thể cho các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố (theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: các Sở, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã phường, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: sau khi Quy định được ban hành và có hiệu lực pháp luật.

c) Triển khai thực hiện Quy chế quản lý đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan, người thực hiện: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

- Thời gian thực hiện: sau khi Quy chế được ban hành và có hiệu lực pháp luật.

d) Sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL:

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và quận, huyện.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: theo kế hoạch của Bộ Tư pháp.

2. Tiếp tục phổ biến nội dung Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật mới và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

a) Tiếp tục phổ biến sâu rộng và theo chuyên đề về nội dung Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật đất đai năm 2013,... bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, cơ quan, địa phương.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Phổ biến các luật có hiệu lực năm 2015, 2016, trọng tâm gồm: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật hộ tịch năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch, Luật căn cước công dân, Luật xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Luật việc làm năm 2013, Luật xây dựng năm 2014, Luật nhà ở năm 2014, Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi*), Luật bảo vệ môi trường năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật đầu tư (*sửa đổi*), Luật đầu tư công năm 2014, Luật doanh nghiệp (*sửa đổi*), Luật phá sản năm 2014, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014, Luật sửa đổi các Luật về thuế 2014, Luật công chứng năm 2014, các luật mới về tổ chức bộ máy nhà nước (*Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, ...*), Luật công an nhân dân (*sửa đổi*), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam và các luật mới sẽ được Quốc hội thông qua trong năm 2015.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

c) Tiếp tục tổ chức tuyên truyền các chính sách, văn bản về cải cách hành chính, cải cách tư pháp, kiểm soát thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành pháp luật.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

d) Tiếp tục phổ biến các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật khác thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực trọng tâm, quan trọng trong kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố: lao động; nhà ở (*nhà ở xã hội*); trách nhiệm bồi thường của nhà nước; an toàn giao thông; quy chế dân chủ ở cơ sở; thuế; khiếu nại; tố cáo; phòng, chống tham nhũng; phòng, chống mua bán người; phòng, chống mại dâm, ma túy; phòng, chống HIV/AIDS; phòng cháy, chữa cháy; thừa phát lại; cư trú; bình đẳng giới; xử lý vi phạm hành chính; bảo vệ môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; quốc phòng - an ninh; nghĩa vụ quân sự; bình đẳng giới; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tuyên truyền về 6 Chương trình đột phá do Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX đề ra; các chính sách, văn bản có liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp,...

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

3. Triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật cụ thể của Trung ương và Thành phố

a) Thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015” (theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 4143/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hiệp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016” (theo Quyết định số 4061/QĐ-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

c) Thực hiện Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước” giai đoạn 2013 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 1063/QĐ-BTP ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tư pháp và Quyết định số 5248/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Cả năm.

d) Thực hiện Kế hoạch thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) ban hành kèm theo Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan chủ trì: theo phân công tại Kế hoạch.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016 (theo Quyết định 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

e) Tiếp tục thực hiện Chương trình “Bảo vệ trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ 2011 - 2015” (theo Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4759/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương
- Thời gian thực hiện: cả năm.

g) Thực hiện Kế hoạch hỗ trợ người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng trên địa bàn Quận 1 và quận Bình Thạnh giai đoạn 2013 -2016 (theo Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân Quận 1, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và các Sở, ngành, đoàn thể được phân công.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

h) Thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 (theo Quyết định 2474/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1939/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Thành Đoàn và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

j) Thực hiện Chương trình Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2015).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

k) Tuyên truyền pháp luật cho người nước ngoài nhập cảnh vào Thành phố và các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, sử dụng lao động người nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan thực hiện: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an Thành phố, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

l) Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-HĐPH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố về tuyên truyền, phổ biến các thông tin về biển, đảo, Luật biên giới quốc gia, Luật biển Việt Nam và các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: cả năm.

m) Thực hiện Kế hoạch phối hợp giữa Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố về phối hợp đẩy mạnh công tác PBGDPL, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017.

- Cơ quan chủ trì: Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

n) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2016 (theo Kế hoạch số 3861/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Kế hoạch số 29/KH-BDT ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Ban Dân tộc Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc Thành phố.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

o) Phổ biến, giáo dục pháp luật đối với cựu chiến binh (theo Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Kế hoạch liên tịch số 3281/KHLT-STP-CCB ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội Cựu chiến binh Thành phố).

- Cơ quan chủ trì: Hội Cựu chiến binh Thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các Sở, ngành liên quan.

- Thời gian thực hiện: cả năm

p) PBGDPL trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (theo Chương trình phối hợp giữa Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Công đoàn Viên chức Thành phố giai đoạn 2014 - 2017).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Công đoàn Viên chức Thành phố, các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

q) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo theo Kế hoạch của Bộ Quốc phòng về thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016” trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

r) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn Thành phố, tăng cường thời lượng, xây dựng thêm các chương trình mới hoặc đổi mới các hình thức chuyên tải nội dung PBGDPL trong các chương trình pháp luật sẵn có trên các thông tin đại chúng của Thành phố.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn Giải Phóng, Sài Gòn Giải Phóng Hoa văn, Báo Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan báo, đài khác trên địa bàn Thành phố.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

s) Tổ chức thi tìm hiểu Hiến pháp của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức Cuộc thi Trung ương: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, địa phương.

Thời gian thực hiện: Theo Kế hoạch của Ban Tổ chức cuộc thi Trung ương.

- Bên cạnh việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn hưởng ứng, tham gia Hội thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn Thành phố, các cơ quan, đơn vị, quận, huyện chủ động tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Hiến pháp năm 2013 phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình của mình nhằm tuyên truyền sâu rộng nội dung Hiến pháp.

t) Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác PBGDPL năm 2015 theo hướng:

- Cơ quan chủ trì, thực hiện: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Đơn vị được kiểm tra:

+ Ở cấp Thành phố: một số thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố (đặc biệt là các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các Đề án về PBGDPL) và một số Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

+ Ở cấp quận, huyện: do Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện quyết định, chú trọng kiểm tra đối với các địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật.

- Nội dung kiểm tra: tình hình 3 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL; việc triển khai nhiệm vụ công tác PBGDPL năm 2015; tình hình chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch về PBGDPL của đơn vị được kiểm tra và các nội dung có liên quan khác.

- Thời gian thực hiện: trước ngày 20 tháng 9 năm 2015.

5. Xã hội hóa công tác PBGDPL

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Xã hội hóa công tác PBGDPL và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2013 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” trên cơ sở phát huy vai trò của Hội Luật gia Thành phố, Hội Luật gia quận, huyện và các tổ chức, cá nhân khác nhằm đáp ứng nhu cầu về quyền được thông tin và cung cấp dịch vụ pháp lý theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt và tổ chức thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) và hướng dẫn của Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

- Cơ quan chủ trì: Hội Luật gia Thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

6. Sơ kết, tổng kết và thực hiện các chính sách thi đua, khen thưởng trong công tác PBGDPL

Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn sơ kết, tổng kết và thực hiện việc sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng trong công tác PBGDPL gắn với việc thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch của Trung ương và Thành phố.

- Cơ quan thực hiện: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: theo Đề án, Chương trình, Kế hoạch và quy định của Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Công tác xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật

a) Tiếp tục thực hiện việc quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; tổng hợp, xây dựng Danh mục sách pháp luật để bổ sung sách, tài liệu mới cho Tủ sách pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Rà soát, thống kê, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2015.

c) Tổ chức tọa đàm đánh giá hiệu quả mô hình Tủ sách pháp luật, tìm hiểu những khó khăn, bất cập đồng thời phát hiện các mô hình mới trong thực tiễn, từ đó nghiên cứu, đề xuất các hình thức, giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp (*Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố*).

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2015.

8. Triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

a) Hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức tuần lễ kỷ niệm “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - ngày 9 tháng 11” năm 2015 trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: tháng 11 năm 2015 (*thời điểm cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp*).

b) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 1831/KH-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật” hàng tháng trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

9. Quản lý nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở; kết hợp kiểm tra, đánh giá tình hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015*) và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố; các Sở, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn; các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Kiểm tra tình hình thực hiện công tác hòa giải tại xã, phường, thị trấn, có biện pháp nâng cao tỷ lệ hòa giải thành trên địa bàn Thành phố; kết hợp kiểm tra, đánh giá tình hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước tại cơ sở.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành Thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố tham gia công tác kiểm tra.

- Thời gian thực hiện: quý III năm 2015.

c) Ban hành Quyết định ban hành Quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*thay thế Quyết định số 72/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố*).

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: quý IV năm 2015.

d) Tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi năm 2015, chuẩn bị tham gia Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc năm 2016.

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố và Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố tham gia phối hợp tổ chức.

- Thời gian thực hiện: quý IV năm 2015.

10. Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 5967/KH-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 triển khai thực hiện Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức đánh giá, công nhận, khen thưởng các địa phương đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp cận pháp luật năm 2015 theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật Thành phố, quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp, khả thi của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; tổng hợp xây dựng báo cáo đánh giá; đề xuất ý kiến sửa đổi, bổ sung về nhiệm vụ xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật và sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: quý III, IV năm 2015

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

a) Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố; Phòng Tư pháp - Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL quận, huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

b) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Định kỳ 6 tháng và cuối năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân Thành phố (*thông qua Sở Tư pháp*) theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của Ngành Tư pháp và theo hướng dẫn của Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2015 (*Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2015*).

b) Kinh phí thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương được bố trí từ nguồn kinh phí triển khai công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch căn cứ theo quy định tại Chương trình, Đề án, Kế hoạch đó./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 593/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh sách giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 7339/STP-BTTP ngày 29 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các danh sách: giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Các danh sách nêu trên được đăng tải trên Công thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh (HCM CityWeb) và Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Ban biên tập HCM CityWeb, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các giám

định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

DANH SÁCH

Giám định viên tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Công bố kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Họ và tên	Ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Đơn vị giám định/Nơi công tác	Ghi chú
I. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: PHÁP Y				
1	Phan Văn Hiếu	18/08/2004	Trung tâm Pháp y TP. Hồ Chí Minh	Giám đốc Trung tâm
2	Nguyễn Thanh Tuyền	18/08/2004	(Như trên (nt))	
3	Đinh Nguyễn Thiên Kim	29/05/2009	nt	Đã chuyển công tác
4	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	29/05/2009	nt	Đã chuyển công tác
5	Hoàng Xuân Đình	05/03/2012	nt	
6	Phạm Việt Thanh	18/08/2004	Sở Y tế	Đã nghỉ hưu
7	Trịnh Đình Thắng	29/05/2009	Bệnh viện Nhân dân 115	
8	Nguyễn Đình Phú	29/05/2009	nt	

9	Nguyễn Hữu Minh	29/05/2009	nt	Đã nghỉ hưu
10	Lê Thành Phương	29/05/2009	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	
11	Võ Văn Thành	18/08/2004	nt	
12	Nguyễn Văn Quang	18/08/2004	nt	Đã nghỉ hưu
13	Võ Thành Phụng	18/08/2004	nt	Đã nghỉ hưu
14	Bùi Văn Đức	18/08/2004	nt	Đã nghỉ hưu
15	Mai Quang Trường	18/08/2004	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	
16	Nguyễn Cao Cương	18/08/2004	Bệnh viện Bình Dân	Đã nghỉ hưu
17	Lê Văn Nghĩa	18/08/2004	nt	Đã nghỉ hưu
18	Lê Thị Thu Hà	18/08/2004	Bệnh viện Từ Dũ	
19	Châu Thị Xuân Cẩm	18/08/2004	nt	
20	Nguyễn Bích Hải	18/08/2004	nt	
21	Vũ Anh Lê	18/08/2004	Bệnh viện Mắt TP. Hồ Chí Minh	
22	Nguyễn Thị Bích Thủy	18/08/2004	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh	Đã nghỉ hưu
23	Trần Vĩnh Hưng	29/05/2009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức	

II. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: PHÁP Y TÂM THẦN

1	Nguyễn Ngọc Quang	04/02/2005	Trung tâm Giám định pháp y tâm thần TP. Hồ Chí Minh	Giám đốc Trung tâm
2	Trần Đình Phương	02/03/2011	nt	
3	Trần Minh Khuyên	29/05/2009	nt	
4	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/04/2012	nt	

5	Huỳnh Tấn Sơn	29/05/2009	nt	Đã chuyển công tác
6	Trịnh Tất Thắng	04/02/2005	Bệnh viện Tâm thần TP. Hồ Chí Minh	
7	Phạm Văn Trụ	04/02/2005	nt	Đã nghỉ hưu
8	Vũ Đình Vương	04/02/2005	nt	
9	Huỳnh Xuân Thiện	04/02/2005	nt	
10	Nguyễn Phi Bình	04/02/2005	nt	
11	Lê Hiếu	04/02/2005	nt	
12	Nguyễn Văn Phụng	02/03/2011	nt	

III. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: KỸ THUẬT HÌNH SỰ

1	Nguyễn Hồng Quang	29/08/2006	Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an TP. Hồ Chí Minh	Trưởng phòng
2	Lê Trung Thành	04/11/1995	nt	Phó Trưởng phòng
3	Trần Thành Định	04/11/1995	nt	Phó Trưởng phòng
4	Phạm Văn Trọng	04/11/1995	nt	
5	Phạm Xuân Liên	04/11/1995	nt	
6	Đinh Viết Thanh	04/11/1995	nt	
7	Tạ Đông Hải	04/11/1995	nt	
7	Phan Hoàng Trạc	21/06/2000	nt	
9	Nguyễn Thị Nam Phương	29/08/2006	nt	
10	Trần Quốc Hoàn	29/08/2006	nt	
11	Phạm Thị Thanh Huyền	29/08/2006	nt	

12	Đặng Văn Bình	13/03/2008	nt	
13	Lê Quốc Dũng	13/03/2008	nt	
14	Lê Quang Ngọc	13/03/2008	nt	
15	Nguyễn Thị Hoa	13/03/2008	nt	
16	Nguyễn Châu Vinh	13/03/2008	nt	
16	Ninh Thị Bích Nga	26/10/2009	nt	
18	Võ Anh Tuấn	14/02/2010	nt	
19	Nguyễn Xuân Sang	16/01/2012	nt	
20	Nguyễn Văn Hòa Bình	14/03/2013	nt	
21	Nguyễn Lê Hoàng Anh	14/03/2013	nt	
22	Hà Thanh Hải	14/03/2013	nt	

IV. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: VĂN HÓA

1	Nguyễn Duy Minh	15/01/2004	Sở Văn hóa và Thể thao	
2	Nguyễn Minh Sơn	15/01/2004	nt	
3	Phạm Hữu Mỹ	15/01/2004	nt	
4	Nguyễn Minh Nghiệp	15/01/2004	nt	Đã nghỉ hưu
5	Đặng Đức Thương	15/01/2004	nt	Đã nghỉ hưu
6	Phạm Thị Như Nguyệt	11/08/2010	nt	
7	Hồ Trọng Nghĩa	11/08/2010	nt	
8	Hồ Thị Ngọc Chuyền	11/08/2010	nt	

9	Nguyễn Hoài Phương	11/08/2010	nt	
10	Đặng Văn Thắng	15/01/2004	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
11	Nguyễn Toàn Thi	15/01/2004	Bảo tàng Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Đã nghỉ hưu
12	Võ Đăng Tín	15/01/2004	Nhà hát Giao hưởng và Vũ kịch TP. Hồ Chí Minh	Đã nghỉ hưu
13	Lê Thị Thanh Thúy	15/01/2004	Thư viện Khoa học tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	

V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: KHOA HỌC KỸ THUẬT

1	Phan Minh Tân	18/08/2004	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã nghỉ hưu
2	Đào Minh Đức	18/08/2004	nt	
3	Nguyễn Quốc Thái	18/08/2004	nt	
4	Nguyễn Thị Thanh Nga	18/08/2004	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	

VI. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: XÂY DỰNG

1	Thân Vĩnh Long	11/04/2011	Sở Xây dựng	
2	Phan Thanh Hải	11/04/2011	nt	
3	Đỗ Quốc Tuấn	11/04/2011	nt	
4	Hồ Ngọc Việt	11/04/2011	nt	
5	Phan Hữu Trọng Anh	11/04/2011	nt	
6	Lê Quang Trung	17/10/2002	nt	Đã chuyển công tác
7	Đinh Ngọc Lộc	17/10/2002	nt	Đã chuyển công tác
8	Hoàng Ngọc Ánh	17/10/2002	nt	Đã chuyển công tác
9	Nguyễn Quốc Hùng	11/04/2011	Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng, Sở Xây	

			dựng	
10	Huỳnh Kim Huy	11/04/2011	nt	
11	Nguyễn Anh Sơn	11/04/2011	nt	
12	Đinh Trần An Đức	11/04/2011	nt	
13	Lê Ngọc Hà	11/04/2011	nt	
14	Đinh Thiên Tân	11/04/2011	nt	
15	Thân Đức Quốc Việt	11/04/2011	Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng Sài Gòn	
16	Nguyễn Minh Khánh	11/04/2011	nt	
17	Cao Văn Cường	11/04/2011	nt	
VII. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				
1	Nguyễn Thị Lan Hương	21/05/2012	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Nguyễn Thị Minh Phương	21/05/2012	nt	
3	Trần Thị Thanh Thủy	21/05/2012	nt	
4	Dương Minh Nghĩa	21/05/2012	nt	
5	Nguyễn Trịnh Đình Hòa	21/08/2013	nt	
VIII. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: ĐẤT ĐAI				
1	Nguyễn Văn Hồng	23/08/2013	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Dư Huy Quang	23/08/2013	nt	
IX. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: MÔI TRƯỜNG				
1	Ngô Thành Đức	23/08/2013	Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	

2	Hoàng Cảnh Dương	23/08/2013	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	
X. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN				
1	Vương Thông Hải	22/07/2013	Sở Tài chính	
2	Lê Duy Nam	22/07/2013	nt	
3	Nguyễn Thị Hoa	22/07/2013	nt	
4	Nguyễn Hữu Khôi	22/07/2013	nt	
5	Phạm Thị Thu Thủy	11/09/2003	nt	Đã nghỉ hưu
6	Lê Hữu Mên	11/09/2003	nt	Đã nghỉ hưu
7	Võ Đông Điền	11/09/2003	nt	Đã chuyển công tác
8	Võ Hữu Hạnh	11/09/2003	Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	
9	Lâm Minh Nhật	22/07/2013	nt	
10	Trần Văn Nam	11/09/2003	Văn phòng giám định tư pháp Sài Gòn	
11	Nguyễn Duy Khiêm	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 1	Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm
12	Hồ Văn Báo	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 2	nt
13	Phạm Lê Khương	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 3	nt
14	Đông Văn Nghĩa	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 4	nt
15	Trần Đức Vượng	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 5	nt
16	Phạm Trí Dũng	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 7	nt
17	Nguyễn Thanh Phương	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 8	nt

18	Nguyễn Ngọc Long	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 9	nt
19	Nguyễn Huy Hùng	05/09/2006	Chi cục Thuế Quận 10	nt
20	Nguyễn Kim Quới	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Bình Tân	nt
21	Vũ Ngọc Kỳ	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Bình Thạnh	nt
22	Phan Thanh Hà	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Gò Vấp	nt
23	Lê Thị Thu Hà	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Phú Nhuận	nt
24	Nguyễn Xuân Phong	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Tân Phú	nt
25	Nguyễn Văn Bá	05/09/2006	Chi cục Thuế quận Thủ Đức	nt
26	Nguyễn Tấn Lợi	05/09/2006	Chi cục Thuế huyện Bình Chánh	nt
27	Trần Ngọc Ân	05/09/2006	Chi cục Thuế huyện Cần Giờ	nt
28	Hồ Thị Xuân Tươi	05/09/2006	Chi cục Thuế huyện Củ Chi	nt
29	Trần Đức Đôn	05/09/2006	Chi cục Thuế huyện Hóc Môn	nt
30	Ngô Thị Thu Thủy	05/09/2006	Chi cục Thuế huyện Nhà Bè	nt

XI. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH: THUẾ

1	Nguyễn Hữu Đức	17/10/2003	Cục Thuế	
2	Phan Hồng	17/10/2003		nt
3	Trần Thị Thùy Minh	17/10/2003		nt
4	Phạm Hùng	17/10/2003		nt
5	Ngô Phước Thọ	29/10/2007		nt
6	Lưu Tuấn Kiệt	17/10/2003		nt
				Đã nghỉ hưu

7	Nguyễn Duy Từ	17/10/2003	nt	Đã nghỉ hưu
8	Đoàn Phương Đông	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 1	
9	Trần Văn Báu	29/10/2007	nt	
10	Võ Tấn Lộc	29/10/2007	nt	
15	Nguyễn Chí Nhân	29/10/2007	nt	
12	Phạm Bá Khang	29/10/2007	nt	
13	Trần Minh Châu	17/10/2003	nt	
14	Đỗ Thị Tuyền	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 2	
15	Đào Thị Thu Hương	29/10/2007	nt	
16	Trương Ngọc Hải	29/10/2007	nt	
17	Dương Đăng Thành	17/10/2003	Chi cục Thuế Quận 3	
18	Bùi Thị Hoàng Trinh	29/10/2007	nt	
19	Nguyễn Thị Hoàng Anh	29/10/2007	nt	
20	Nguyễn Thị Kim Phụng	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 4	
21	Nguyễn Khoa Thủy Tiên	29/10/2007	nt	
22	Hoàng Đức Hồ	29/10/2007	nt	
23	Nguyễn Văn Vân	29/10/2007	nt	
24	Phạm Thị Thanh Phụng	29/10/2007	nt	
25	Lê Tân Thành	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 5	
26	Trần Hữu Phương	29/10/2007	nt	

27	Nguyễn Châu Phái	29/10/2007	nt	
28	Phạm Quang Trung	17/10/2003	nt	
29	Nguyễn Việt Dũng	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 6	
30	Nguyễn Thị Kim Mai	29/10/2007	nt	
31	Huỳnh Anh Hùng	17/10/2003	nt	
32	Văng Tiến Dũng	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 7	
33	Võ Văn Hùng	29/10/2007	nt	
34	Nguyễn Thị Minh Thanh	29/10/2007	nt	
35	Bùi Thanh Hoàng	29/10/2007	nt	
36	Nguyễn Thị Ngọc Trang	29/10/2007	nt	
37	Nguyễn Anh Dũng	29/10/2007	nt	
38	Đỗ Văn Hùng Cường	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 8	
39	Lê Bảo Thống	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 9	
40	Tôn Thất Nhất Tuấn	29/10/2007	nt	
41	Nguyễn Anh Đào	29/10/2007	nt	
42	Trần Ngọc Quý	29/10/2007	nt	
43	Nguyễn Thị Kim Ngọc	29/10/2007	nt	
44	Nguyễn Văn Thắng	29/10/2007	nt	
45	Vũ Mạnh Quân	29/10/2007	nt	
46	Nguyễn Anh Nghĩa	29/10/2007	nt	

47	Nguyễn Ngọc Trinh	17/10/2003	Chi cục Thuế Quận 10	
48	Nguyễn Thành Nhu	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 11	
49	Vũ Quốc Huy	29/10/2007	nt	
50	Trần Đức Ngọc Dung	29/10/2007	nt	
51	Mai Thanh Tùng	29/10/2007	nt	Đã nghỉ việc
52	Đặng Thị Phượng	29/10/2007	Chi cục Thuế Quận 12	
53	Trương Khánh Cường	29/10/2007	nt	
54	Hoàng Thanh Nhất	29/10/2007	nt	
55	Lê Thị Phương Thảo	29/10/2007	nt	Đã nghỉ việc
56	Lê Hữu Luyện	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Tân Bình	
57	Trần Quang Sanh	29/10/2007	nt	
58	Nguyễn Thị Ngọc Lan	29/10/2007	nt	
59	Huỳnh Văn Đáng	29/10/2007	nt	
60	Vũ Minh Đán	29/10/2007	nt	
61	Trần Thanh Phương	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Bình Tân	
62	Nguyễn Duy Thanh	29/10/2007	nt	
63	Trần Thị Mỹ Lệ	29/10/2007	nt	
64	Trương Văn Nghĩa	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Thủ Đức	
65	Trần Tấn Hùng	29/10/2007	nt	
66	Nguyễn Ngọc Nhớ	29/10/2007	nt	

67	Trịnh Hồng Quang	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Bình Thạnh	
68	Trương Ngọc Hiệp	29/10/2007	nt	
69	Võ Hoàng Hoa	29/10/2007	nt	
70	Nguyễn Văn Phúc	29/10/2007	nt	
71	Phan Thế Ánh	29/10/2007	nt	
72	Phạm Nam Hà	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Phú Nhuận	
73	Nguyễn Thanh Bình	29/10/2007	nt	
74	Lê Công Minh	29/10/2007	nt	
75	Trương Thị Lệ Hằng	29/10/2007	nt	
76	Nguyễn Văn Vinh	29/10/2007	nt	
77	Cao Văn Ty	29/10/2007	nt	
78	Đặng Song Châu	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Tân Phú	
79	Nguyễn Thị Hoàng Yến	29/10/2007	nt	
80	Nguyễn Mạnh Trung	29/10/2007	Chi cục Thuế quận Gò Vấp	
81	Lê Huỳnh Mai	29/10/2007	nt	
82	Trần Việt Thắng	29/10/2007	nt	
83	Nguyễn Thị Kim Chi	29/10/2007	nt	
84	Nguyễn Quốc Tuấn	29/10/2007	Chi cục Thuế huyện Nhà Bè	
85	Ngô Thị Hồng	29/10/2007	nt	
86	Nguyễn Văn Sám	29/10/2007	Chi cục Thuế huyện Bình Chánh	Đã nghỉ việc

87	Kiều Công Tùng	29/10/2007	nt	
88	Thái Thị Kim Cúc	29/10/2007	nt	
89	Nguyễn Hồng Phước	29/10/2007	Chi cục Thuế huyện Hóc Môn	
90	Phan Văn Hiếu	29/10/2007	nt	
91	Nguyễn Thế Mỹ	29/10/2007	nt	
92	Phạm Tuyết Mai	29/10/2007	nt	
93	Đặng Thanh Bình	29/10/2007	Chi cục Thuế huyện Củ Chi	
94	Trần Văn Hoàng	29/10/2007	nt	
95	Đào Văn Quý	29/10/2007	nt	

./.

DANH SÁCH

Tổ chức giám định tư pháp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Công bố kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên tổ chức giám định tư pháp	Lĩnh vực giám định	Thông tin liên hệ	Thủ trưởng đơn vị
1	Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố	Kỹ thuật hình sự	Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 Điện thoại: (08) 38387361	Ông Nguyễn Hồng Quang, Trưởng phòng
2	Trung tâm Pháp y TP. Hồ Chí Minh (trực thuộc Sở Y tế)	Pháp y	Địa chỉ: 336 Trần Phú, Phường 7, Quận 5 Điện thoại: (08) 39244435	Ông Phan Văn Hiếu, Giám đốc Trung tâm
3	Trung tâm Giám định pháp y tâm thần TP. Hồ Chí Minh (trực thuộc Sở Y tế)	Pháp y tâm thần	Địa chỉ: 152-154 Hồng Bàng, Phường 7, Quận 5 Điện thoại: (08) 39561930 - 39562133	Ông Nguyễn Ngọc Quang, Giám đốc Trung tâm

./.

DANH SÁCH

Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Công bố kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên tổ chức giám định tư pháp	Lĩnh vực giám định	Giấy đăng ký hoạt động	Thông tin liên hệ	Người đại diện theo pháp luật
1	Văn phòng giám định tư pháp Sài Gòn	Tài chính	41.01.0001/TP-GĐ- ĐKHKĐ do Sở Tư pháp cấp ngày 25/10/2013	Địa chỉ: 6/12 Võ Trường Toản, Phường 15, Quận 5 Điện thoại: (08) 39560737 Fax: (08) 39557126	Ông Trần Văn Nam, Trưởng Văn phòng

./.

DANH SÁCH

Người giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Công bố kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chuyên ngành giám định	Kinh nghiệm giám định (năm công tác)	Thông tin liên hệ
Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ						
1	Nguyễn Tuấn Thành	16/11/1967	Nam	Hóa	09	Sở Khoa học và Công nghệ, 244 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3
2	Phan Thị Quý Trúc	26/05/1983	Nữ	An toàn bức xạ	07	nt
3	Chu Bá Long	13/01/1980	Nam	Quản lý dự án khoa học công nghệ, đánh giá và thẩm định công nghệ, an toàn bức xạ	05	nt
4	Đỗ Thị Quỳnh Hương	26/10/1979	Nữ	Quản lý khoa học công nghệ	09	nt

5	Võ Hưng Sơn	20/01/1974	Nam	Định giá công nghệ	13	nt
6	Hoàng Tố Như	25/12/1962	Nữ	Sở hữu trí tuệ	23	nt
7	Phạm Huy Phong	06/02/1976	Nam	Cơ khí năng lượng	10	nt
8	Phạm Quốc Phương	05/01/1980	Nam	Hệ thống thông tin địa lý	11	Trung tâm GIS, 244 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3
9	Võ Đình Liên Ngọc	22/11/1976	Nữ	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	13	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 263 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3
10	Phan Việt Báu	03/12/1974	Nam	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	11	nt
11	Nguyễn Quốc Hùng	23/11/1976	Nam	Polyme, định dạng - định lượng cấu trúc, thành phần hóa học	14	Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm 02 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1
Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư						
12	Hà Hữu Trí	28/8/1975	Nam	Hồ sơ đầu tư, dự án đầu tư	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư 32 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1
13	Lê Phước Hải	18/02/1974	Nam	Thẩm định các dự án sử dụng ngân sách Thành phố thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	05	nt

14	Lương Quốc Liêm	03/6/1978	Nam	Thẩm định dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu các dự án sử dụng ngân sách Thành phố thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp và phát triển nông thôn	05	nt
15	Cù Thành Đức	20/7/1980	Nam	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	05	nt
16	Cao Thanh An	25/8/1977	Nữ	Quản lý dự án ODA	05	nt
Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
17	Nguyễn Hữu Thiết	1970	Nam	Thú y	18	Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Trương Văn Mai	1958	Nam	Bảo vệ thực vật	21	Chi cục Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Nguyễn Phước Long	1976	Nam	Kỹ thuật xây dựng thủy lợi	07	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Nguyễn Xuân Cường	1969	Nam	Lâm sinh	16	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Lê Tôn Cường	1973	Nam	Nuôi trồng thủy sản	16	Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DANH SÁCH

Tổ chức giám định viên tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Công bố kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên tổ chức giám định tư pháp	Chuyên ngành giám định	Kinh nghiệm giám định	Thông tin liên hệ	Thủ trưởng đơn vị
1	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Thành lập năm 1982	263 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3	Ông Nguyễn Văn Hà, Chi cục Trưởng
2	Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)	Đánh giá chất lượng sản phẩm - hàng hóa, điều tra, đánh giá tài nguyên - môi trường bằng phương pháp lý - hóa - sinh	Thành lập năm 1982	02 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1	Bà Chu Vân Hải, Giám đốc Trung tâm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng